

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/DS-PT

Ngày 13-3-2018

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Nghiêm.

Các Thẩm phán: Ông Lò Văn Diệt.

Bà Tòng Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2017/TLPT-TC ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nông Ích T và bà Nguyễn Thị T1. Địa chỉ: Tiểu khu X, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (*Văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 5 năm 2015*): Anh Nông Trung T2. Địa chỉ: Tiểu khu X, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đàm Mạnh H - Luật sư của Trung tâm Trợ giúp pháp lý và hỗ trợ tư pháp cho người nghèo và người dân tộc thiểu số tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S. Địa chỉ: Tiểu khu X, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (*Văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 7 năm 2016*): Bà Trần Thị Bích T3. Địa chỉ: Tiểu khu B, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị P và ông Tạ Trung N. Địa chỉ: Tiểu khu X, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Nông Ích T và bà Nguyễn Thị T1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 3 năm 2016 và trong quá trình giải quyết, xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Nông Ích T và bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Cuối những năm 1970, ông bà có khai hoang một diện tích đất bên Quốc lộ 6, ở phía Nam của Đội ô tô L (*nay thuộc tiểu khu X, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La*) để làm nhà ở và canh tác nông nghiệp. Năm 1980, ông T chuyển sang công tác tại Xí nghiệp chế biến L X là đơn vị liền kề với Đội ô tô L. Khoảng năm 1982, Đội ô tô chuyển lên Sơn La, gia đình ông T chuyển vào ở khu văn phòng của Đội ô tô (*nơi ông đang sử dụng hiện nay*). Khi đó, bà Nguyễn Thị S là nhân viên kế toán của Phòng Tài vụ do ông T quản lý sinh sống tại khu tập thể của Xí nghiệp. Khoảng năm 1985 - 1987, khu tập thể của Xí nghiệp bị dỡ bỏ để xây dựng văn phòng. Để tạo điều kiện cho bà S ổn định cuộc sống và công tác tốt, ông T là cán bộ quản lý trực tiếp đã đồng ý cho bà S ra ở tạm trên diện tích đất gia đình ông đã khai hoang. Khoảng 2 - 3 năm sau, ông T đã yêu cầu bà S trả lại đất để gia đình ông canh tác nông nghiệp. Do chưa tìm được đất để làm nhà nên bà S xin tiếp tục được ở trên mảnh đất đó và trả lại trước một phần diện tích đất ông T đã khai phá (*hiện con trai ông đang sử dụng*) và bảo gia đình ông T vào canh tác tạm trên một phần diện tích đất nông nghiệp của gia đình bà ở bên kia bờ Suối C1 thuộc quyền quản lý hành chính của Đội Y Nông trường T Sơn La.

Năm 1997, khi thấy gia đình bà S xây nhà trên đất, ông T không đồng ý nhưng bà S lại xin và hứa tìm đất khác để trả lại cho gia đình ông nên ông tin tưởng và đồng ý cho bà S xây nhà. Sau đó bà S còn cho con gái là Trần Thị P xây nhà trên đất mượn của gia đình ông. Xuất phát từ tình cảm giữa hai gia đình từ thời cùng công tác và tin tưởng bà S sẽ tìm đất khác để trả lại cho gia đình mình nên ông T không báo cáo gì với chính quyền cơ sở. Từ đó đến nay, ông T đã nhiều lần trực tiếp yêu cầu bà S trả lại đất cho gia đình ông nhưng bà S không thực hiện lời hứa và có biểu hiện cố tình chiếm dụng diện tích đất gia đình ông đã cho mượn.

Tháng 7/2014, gia đình ông T đã làm đơn gửi đến chính quyền tiểu khu X và Ủy ban nhân dân xã C để đòi lại diện tích đất đã cho bà S mượn nhưng gia đình bà S không những không trả mà còn cho rằng đây là diện tích đất gia đình bà tự khai hoang vào khoảng năm 1992 sau khi Đội ô tô L chuyển lên Sơn La. Ngày 31/12/2015, ông T nhận được Thông báo số 383/TB-UBND ngày

02/11/2015 của Ủy ban nhân dân huyện M về việc không thụ lý giải quyết tranh chấp đất do không thuộc thẩm quyền. Do đó, ông T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M xem xét, giải quyết việc gia đình ông cho bà S mượn đất để làm nhà ở tạm khi chưa có nhà và buộc bà S phải trả lại cho gia đình ông mảnh đất đã mượn từ khoảng năm 1985 - 1987 mà hiện nay bà S và con gái đang chiếm dụng. Mảnh đất có diện tích khoảng 2.000m² (*chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*). Vị trí: Tiểu khu X, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Phía Đông và phía Nam giáp đất của ông Nông Minh T4 (*phần đất bà S trả khi gia đình ông đòi khoảng năm 1988 - 1990*), phía Tây giáp Quốc lộ 6, phía Bắc giáp đất của gia đình ông bà U - P1 và ông bà T5 - T6.

Tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Năm 1983, gia đình bà có khai hoang đất ở và khu đất vườn **gần** khu vực Xí nghiệp chế biến L X (*nay là tiểu khu X*). Trước đó, gia đình bà ở khu tập thể của Trường X nhưng do Trường có quy hoạch nên gia đình bà đã khai hoang diện tích đất nông nghiệp cạnh đất của ông bà T T1. Khi gia đình bà phát hoang, không ai có ý kiến phản đối và bà cũng không biết đất thuộc cơ quan nào quản lý. Sau khi khai hoang, gia đình bà đã làm nhà trên đất: Năm 1983 làm nhà chôn cột, lợp tranh, phủ giấy dầu, trát đất. Năm 1985 dựng lại nhà bằng 3 gian lợp ngói, thung ván. Năm 1997 xây nhà 2 tầng kiên cố và sử dụng ổn định từ năm 1983 đến năm 2014 không có tranh chấp với ai. Năm 1993, khi có Luật đất đai, gia đình bà đã kê khai về diện tích đất ở, đất vườn và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước. Diện tích đất ở và đất vườn của gia đình bà đã được đưa vào bản đồ địa chính của xã, huyện từ năm 1991. Việc ông bà T T1 cho rằng gia đình bà mượn đất của gia đình ông T là không đúng vì đất là tài sản lớn, nếu mượn thì phải có giấy tờ. Hơn nữa, gia đình bà và các con đã sử dụng ổn định, làm nhà kiên cố trên diện tích đất nói trên từ năm 1983 đến năm 2014 nhưng gia đình ông T không có ý kiến gì.

Đối với diện tích đất ở Suối C1 thuộc tiểu khu Y, xã C: Trước đây gia đình bà từng ở Suối C1 nhưng sau khi khai hoang và chuyển đến ở trên mảnh đất cạnh đất của ông bà T T1 thì gia đình bà không sử dụng diện tích đất này nữa. Do đây là đất của tập thể nên bà không có ý kiến gì về việc ông bà T T1 đến đó để làm nương.

Bà S khẳng định không có việc mượn đất và đòi đất giữa hai gia đình nên đề nghị Tòa án không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P và ông Tạ Trung N trình bày:

Hai ông bà kết hôn với nhau từ tháng 01/1987. Do đặc thù công việc ông N thường xuyên phải xa nhà nên ông bà đã bàn nhau xin đất của ông bà ngoại (*ông bà S H*) để làm nhà ở gần và nhờ ông bà ngoại giúp đỡ bà P khi con của

ông bà còn nhỏ. Tháng 2/1987, bà P ở nhà đã thuê máy ủi của Công ty C2 san lấp mặt bằng và dựng 02 gian bếp, 03 gian nhà lợp ngói cột gỗ kê và một sân nhỏ. Phía sau nhà là hũm đá sâu, mùa mưa nước ngập như ao. Đến năm 1998, ông bà mới có điều kiện xây kè và đổ đất lấp hũm để có mặt bằng như hiện nay. Năm 1999, ông bà xây nhà 02 tầng kiên cố (*ngôi nhà đang ở hiện nay*). Năm 2005, ông bà xây tường rào bao quanh toàn bộ diện tích đất của ông bà và của bà S. Khi xây tường, ông bà mua gạch ba vanh và xi măng của ông T. Khi thợ đào móng ông bà T T1 cũng ra căng dây cho thợ vì sau vườn của bà S có một đoạn giáp ranh với vườn của ông bà T T1. Gia đình ông bà đã sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai diện tích đất nói trên từ năm 1987 và thực hiện kê khai, đóng thuế cho Nhà nước đầy đủ từ năm 1993 đến năm 2011, mảnh đất ông bà đang ở thuộc lô số 68 của bản đồ Công ty L do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ký xác nhận ngày 27/4/1992. Việc ông bà T T1 khởi kiện đòi lại đất của ông bà là vô lý, không có căn cứ nên ông bà không chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện M đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ xác định tổng diện tích đất đang tranh chấp là 1.366,6m² (*đã trừ hành lang giao thông Quốc lộ 6 là 21m*), trong đó, bà S đang sử dụng 555,5m², bà P và ông N đang sử dụng 811,1m², gồm các thửa 29, 30, 31, 32 thuộc tờ bản đồ xã C lập năm 1999, tỷ lệ 1/1000 tại tiểu khu X, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/DS-ST ngày 26/9/2017, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 157, 165, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 171, 247, 250, 256 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 24, 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng **nguyên** đơn ông Nông Ích T và bà Nguyễn Thị T1 về việc buộc bà Nguyễn Thị S trả lại cho gia đình ông T mảnh đất đã mượn của gia đình ông từ năm 1983 mà hiện nay bà Nguyễn Thị S và hộ gia đình bà Trần Thị P, ông Tạ Trung N đang sử dụng.

Bà Nguyễn Thị S được tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất là 555,5m² cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất (*trên sơ đồ đo đạc kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/4/2017 mang tên bà Nguyễn Thị S và bà Trần Thị Thanh T7*). Địa chỉ: Tiểu khu X, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Tứ cạnh:

- Phía Đông giáp đất ông Nông Minh T4 dài 12,28m;
- Phía Nam giáp đất ông Nông Minh T4 dài 39,23m;
- Phía Tây giáp Quốc lộ 6 dài 15,33m;
- Phía Bắc giáp đất **bà** Trần Thị P sử dụng dài 19,04 + 20,69m.

Bà Trần Thị P và ông Tạ Trung N tiếp tục quản lý và sử dụng diện tích đất 811,1m² cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất (*trên sơ đồ đo đạc kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/4/2017 mang tên bà Trần Thị P*). Đất ở địa chỉ tiểu khu X, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Tù cạnh:

- Phía Đông giáp đường xóm dài 13,85m;
- Phía Nam giáp đất bà S đang sử dụng dài 39,73m;
- Phía Tây giáp Quốc lộ 6 dài 36,14m;
- Phía Bắc giáp đất ông U dài 26,79m, giáp đất ông bà T6 T5 dài 12,66m.

Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn xử lý chi phí tố tụng, tiền án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/10/2017, nguyên đơn ông Nông Ích T và bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La với lý do án sơ thẩm thiếu khách quan, chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà.

Tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Giữ nguyên các yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc bà Nguyễn Thị S trả lại toàn bộ diện tích đất khai hoang đã cho bà S mượn.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

Ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P và ông Tạ Trung N: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp đất đai giữa các đương sự đã được Ủy ban nhân dân xã C hòa giải nhưng không thành; các đương sự không có giấy chứng nhận hoặc một trong các giấy tờ theo quy định tại Điều 100 của Luật đất đai năm 2013 và không tranh chấp về tài sản gắn liền với đất nhưng có đơn khởi kiện tại Tòa án nên Tòa án nhân dân huyện M thụ lý, giải quyết vụ án Tranh

chấp quyền sử dụng đất là có căn cứ, đúng thẩm quyền quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

[2] Về nội dung kháng cáo của ông Nông Ích T và bà Nguyễn Thị T1, xét thấy:

Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp: Kết quả xác minh với ông Phạm Ngọc T8 (*Nguyên Phó Giám đốc Xi nghiệp L*) và ông Nguyễn Hữu Đ phù hợp với lời khai nhận của ông Nông Ích T nên có căn cứ xác định nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp do ông Đ và ông T9 khai phá từ khoảng năm 1976 nhưng sau đó ông Đ và ông T9 không được sử dụng do khu đất này nằm cạnh kho xăng của Đội ô tô L.

Về diễn biến quá trình sử dụng đất: Quá trình sử dụng đất của bà Nguyễn Thị S được bà Bùi Thị S1, bà Phạm Hương T10 và bà Lê Thị Tường V xác nhận cụ thể, thống nhất, chính xác về thời điểm, có kèm theo các sự kiện để chứng minh và phù hợp với lời khai của ông Dương Minh Q, ông Nguyễn Đình L1 và ông Trần Xuân Đ2 là những người trước đây cùng công tác với cả nguyên đơn, bị đơn và là những hộ gia đình sống lâu năm, gần thửa đất đang tranh chấp nên có cơ sở xác định bà S đến ở trên khu đất đang tranh chấp là từ năm 1983. Từ năm 1997 - 1999, bà S và vợ chồng ông bà P N (*là người được bà S cho sử dụng một phần diện tích đất từ năm 1987*) đã xây dựng các công trình kiên cố, có giá trị lớn trên đất và xây tường rào bao quanh vào năm 2005. Ông T là người có đất liền kề, cùng ở tiểu khu X nhưng không có ý kiến gì và còn bán vật liệu xây dựng, căng dây giúp ông bà P N xác định mốc giới giữa hai hộ gia đình khi xây tường rào (*sự việc được chính ông T xác nhận tại phiên tòa sơ thẩm*). Bà S và bà P đã thực hiện kê khai và nộp thuế nhà đất từ năm 1993 đến năm 2011 và không có tranh chấp đất đai với ai khác nên căn cứ khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai xác định thời điểm bà S sử dụng ổn định diện tích đất nói trên từ năm 1993.

Đối với ý kiến của ông T về việc bà S đã trả lại một phần diện tích đất đang tranh chấp (*hiện có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nông Minh T4*) và đòi cho ông sử dụng phần diện tích đất ở khu vực Suối C1: Bà S không thừa nhận hai nội dung trên và ông T cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ sự phân tích trên thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông bà T T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T bà T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nông Ích T và bà Nguyễn Thị T1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La như sau:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 157, 165, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 24, 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nông Ích T và bà Nguyễn Thị T1 về việc buộc bà Nguyễn Thị S trả lại cho gia đình ông T mảnh đất đã mượn của gia đình ông từ năm 1983 mà hiện nay bà Nguyễn Thị S và hộ gia đình bà Trần Thị P, ông Tạ Trung N đang sử dụng.

Bà Nguyễn Thị S được tiếp tục quản lý, sử dụng 555,5m² đất cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Tiểu khu X, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Tứ cạnh:

- Phía Đông và phía Nam giáp đất của ông Nông Minh T4 dài 12,28m và 39,23m;

- Phía Tây giáp Quốc lộ 6 dài 15,33m;

- Phía Bắc giáp đất bà Trần Thị P sử dụng dài 19,04m và 20,69m.

Bà Trần Thị P và ông Tạ Trung N tiếp tục quản lý, sử dụng 811,1m² đất cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Tiểu khu X, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Tứ cạnh:

- Phía Đông giáp đường xóm dài 13,85m;

- Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị S đang sử dụng dài 39,73m;

- Phía Tây giáp Quốc lộ 6 dài 36,14m;

- Phía Bắc giáp đất ông U dài 26,79m và giáp đất ông bà T6 T5 dài 12,66m.

Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Về chi phí tố tụng:

Ông Nông Ích T và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.550.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp cho Tòa án theo giấy biên nhận ngày 27/3/2017.

Bà Nguyễn Thị S và bà Trần Thị P phải chịu chi phí định giá tài sản là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) được khấu trừ vào 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp cho Tòa án theo giấy biên nhận ngày 23/8/2017, còn được trả lại 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) theo giấy biên nhận ngày 11/9/2017.

3. Về án phí: Ông Nông Ích T và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 3507 ngày 29/11/2016 và phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 4673 ngày 26/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (*ngày 13/3/2018*).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Xuân Nghiêm